

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 13-12-2022
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Ông Lê Thiết Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị K, sinh năm 1978; NĐKTT: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ liên hệ: Đường 15A, thôn P, xã V, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Thị Hoàng Mai - Văn phòng luật sư Hoàng Mai Quảng Trị; địa chỉ: Khu phố 1, Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Quý tín dụng nhân dân Trường Sơn; địa chỉ: Số 41 Chế Lan Viên, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện: Ông Trần A- Giám đốc Quý tín dụng nhân dân Trường Sơn; có mặt.

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1994 và chị Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

- Bà Trương Thị K - nguyên đơn;

- Ông Lê Văn C - bị đơn;
- Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị K trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị K và ông Lê Văn C đăng ký kết hôn ngày 10/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có hành vi bạo lực gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, do đó bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn C.

* Về con chung: Không có con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Bà K và ông C có khối tài sản chung có tổng trị giá khoảng 2.524.000.000 đồng, gồm:

- Quyền sử dụng 180m² đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 928630 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 19/11/2020 đứng tên ông Lê Văn C và bà Trương Thị K (*Sau đây viết tắt là: giấy CNQSDĐ số CT 928630*), có giá trị khoảng 1.900.000.000 đồng;

- 01 ngôi nhà kết cấu hai tầng xây dựng trên diện tích đất 5x20(mét) ở khu phố 3, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, thửa đất số 280, tờ bản đồ số 07, có giá khoảng 600.000.000 đồng;

- 01 tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA, mua năm 2018, có giá 5.000.000 đồng;

- 01 ti vi nhãn hiệu LG, mua năm 2018, có giá 9.000.000 đồng;

- 01 giá bằng gỗ để ti vi có kích thước 2,5 x 1,8(m), mua năm 2018, có giá 4.000.000 đồng;

- 01 tủ đựng quần áo giá 6.000.000 đồng.

Khi ly hôn, bà K yêu cầu Tòa án chia đôi toàn bộ tài sản cho bà K và ông C, mỗi người được hưởng một nửa tài sản chung theo giá thị trường, bà K xin nhận giá trị tài sản bằng tiền.

Về nguồn gốc tài sản: Năm 2018 bà K và ông C mua của anh Hồ Công T thửa đất 180m² với giá 200.000.000 đồng, sau đó tiến hành xây dựng nhà ở kiên cố. Khi làm nhà, bà K vay mượn đưa cho ông C 400.000.000 đồng tiền mặt, còn lại là tiền của ông C. Còn số tiền hơn 1 tỷ đồng ông C được bồi thường, hỗ trợ từ việc giải phóng mặt bằng để xây đường Hoàng Diệu, ông C đã cho vợ cũ, con trai, con gái, xây lăng mộ cho ba mẹ và trả nợ. Nền đất tái định cư diện tích 120m², ông C và bà K đã chuyển nhượng cho anh Hồ Sỹ C.

Về nợ chung: Bà K và ông C có khoản nợ chung tại Quỹ tín dụng nhân dân Trường Sơn số tiền vay 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2022/0052/HĐTD ngày 11/02/2022, mục đích vay: trả tiền mua thửa đất số 280, tờ

bản đồ số 07. Để đảm bảo cho khoản vay, bà K và ông C đã thế chấp quyền sở hữu và sử dụng nhà đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 07, diện tích 180m² theo GCNQSDĐ số CT 928630, tại khu phố 3, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Khi ly hôn, bà K có nguyện vọng: bà K và ông C mỗi người có nghĩa vụ trả một nửa số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Quỹ tín dụng nhân dân Trường Sơn theo Hợp đồng tín dụng số 2022/0052/HĐTD ngày 11/02/2022.

Tại đơn trình ý kiến ngày 01/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

- * Về quan hệ hôn nhân: Ông C đồng ý ly hôn bà K.
- * Về con chung: Ông C và bà K không có con chung.
- * Về tài sản chung: Bà K trình bày là hoàn toàn không đúng.

- Về nguồn gốc tài sản là quyền sử dụng diện tích đất ở: Ông C và vợ cũ là bà Lương Thị Diệu M được UBND thị xã Đông Hà cấp GCNQSDĐ số AE 357077 ngày 19/4/2007, diện tích 103m² đất ở, thửa đất 54, tờ bản đồ 39; tại Khu phố 1, phường Đông Giang (do bố mẹ ông C là ông Lê Kính và bà Nguyễn Thị Đoạt tặng cho).

Sau khi ông C và bà M ly hôn, ngày 08/7/2015, hai người lập văn bản thỏa thuận: Bà M giao cho ông C toàn bộ phần quyền sử dụng đất tại thửa đất trên. Trên cơ sở đó, UBND Đông Hà cấp GCNQSDĐ số BV 398827 cho ông Lê Văn C.

Ngày 22/5/2018, UBND thành phố Đông Hà thu hồi đất của ông Lê Văn C theo thực tế sử dụng là 149m² đất để xây dựng đường Hoàng Diệu, được bồi thường số tiền 1.097.696.000 đồng và được giao 01 lô đất tái định cư (có thu tiền sử dụng đất): Thửa đất số 107 (lô 04), tờ bản đồ số 17, diện tích 120m², địa chỉ: Khu tái định cư Bắc Sông Hiếu, phường Đông Thanh, được cấp GCNQSDĐ số CQ 205257 ngày 09/12/2019 mang tên người sử dụng đất: ông Lê Văn C.

Cùng thời điểm đó, ông Hồ Công T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 180m² đất ở của bà Hồ Thị B rồi chuyển nhượng cho ông Hồ Sỹ C. Ông T và ông C thỏa thuận bằng miệng đổi đất với nhau. Ông T là người làm thủ tục chuyển đổi để cấp lại GCNQSDĐ của 02 thửa, cụ thể:

+ 01 Hợp đồng ngày 10/7/2020 có bên chuyển nhượng là ông Lê Văn C, bà Trương Thị K với bên nhận chuyển nhượng là ông Hồ Sỹ C, diện tích chuyển nhượng 120m² đất ở, thửa đất số 107 (lô 04), tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Khu Tái định cư Bắc Sông Hiếu.

+ 01 Hợp đồng ngày 24/7/2020 có bên chuyển nhượng là bà Hồ Thị B với bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Văn C, bà Trương Thị K, diện tích chuyển nhượng 180m² đất ở, thửa đất số 280 (lô 175), tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khu tái định cư Bắc Sông Hiếu.

Trên cơ sở đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp GCNQSDĐ số CT 928630 ngày 19/11/2020 cho ông Lê Văn C, bà Trương Thị K, diện tích 180m² đất ở, thửa đất số 280 (lô 175), tờ bản đồ số 07, địa chỉ thửa đất: Khu Tái định cư Bắc Sông Hiếu.

Như vậy, diện tích 180m² đất ở, thửa đất số 280 (lô 175), tờ bản đồ số 07, địa chỉ thửa đất: Khu Tái định cư Bắc Sông Hiếu là tài sản riêng của ông C, có nguồn gốc của ba mẹ tặng cho, sau đó Nhà nước thu hồi bồi thường, giao đất tái định cư và ông C đổi đất với ông T.

Sau khi đổi đất vào tháng 5/2018, ông C cho vợ chồng con trai Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L 4m ngang (diện tích 4x20m) nhưng chưa tách thửa, còn lại của ông C 5m ngang (diện tích 5x20m). Ông C và vợ chồng con trai cùng làm nhà và hoàn thiện vào cuối năm 2018.

- Về nguồn gốc tài sản là ngôi nhà hai tầng được xây trên diện tích đất 5x20 (mét):

Ngôi nhà được xây từ tiền của ông C nhận bồi thường do Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường Hoàng Diệu. Bà K chỉ có góp công trong việc trông coi và nước non cho thợ; vệ sinh nhà trước khi vào ở. Thực tế bà K không có tiền, không có việc làm, ông C làm nghề xe kéo và đưa tiền cho bà K phục vụ sinh hoạt hàng ngày.

Do đó, ông C chỉ chấp nhận giao cho bà K theo công sức mà bà đã đóng góp với số tiền 300.000.000 đồng.

- Đối với tài sản trong nhà: 01 tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA, 01 ti vi nhãn hiệu LG, 01 giá bằng gỗ để ti vi, 01 tủ đựng quần áo là tài sản chung của vợ chồng. Tài sản này chia đôi, mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản, giao cho bà K số tài sản này và bà K trả cho ông C tiền chênh lệch tài sản.

- Về khoản nợ: Ông C và bà K có vay tại Quỹ tín dụng nhân dân Trường Sơn số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2022/0052/HĐTD ngày 11/02/2022, mục đích ghi trong hợp đồng vay: Tiêu dùng (sửa nhà, mua đồ dùng sinh hoạt). Ông C đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi, mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *Quỹ tín dụng nhân dân Trường Sơn trình bày:* Căn cứ hồ sơ vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 2021/0030/HĐTD ngày 01/02/2021, ông Lê Văn C và bà Trương Thị K vay của Quỹ tín dụng nhân dân Trường Sơn số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng để sửa chữa nhà ở, ngày 10/02/2022 ông C, bà K đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi tại Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngày 11/02/2022, Quỹ tín dụng Trường Sơn ký kết Hợp đồng tín dụng số 2022/0052/HĐTD với ông C, bà K. Quỹ tín dụng nhân dân Trường Sơn đề nghị ông C và bà K thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L trình bày: Thống nhất theo ý kiến trình bày của bị đơn ông Lê Văn C.

Trước đây ông C được giao đất tái định cư thửa đất có diện tích 120m², vì để có đủ đất cho con làm nhà nên đã đổi thửa đất có diện tích 180m². Anh chị được ông Lê Văn C cho một phần thửa đất với diện tích đất 80m² (4x20m) và 12.000.000 đồng để xây nhà. Quá trình làm nhà không bị ai ngăn cản. Anh L và chị

L sử dụng nhà đất trên từ năm 2018 đến nay không xảy ra tranh chấp. Do đó tài sản nhà đất này là tài sản riêng của anh chị.

Do không được phép tách đất được giao tái định cư nên vợ chồng anh chị sử dụng chung GCNQSDĐ đã cấp cho ông C, bà K.

Đề nghị Tòa án tách riêng phần đất (mà trên đất đã có ngôi nhà kiên cố của vợ chồng Anh L) và giá trị phần đất mà ông C đã cho vợ chồng Anh L; đồng thời công nhận quyền sử dụng đất của Anh L và chị L.

Bản án sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 18/8/2022 của TAND thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, 37, 55, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn C và bà Trương Thị K.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị K: Giao cho ông Lê Văn C được quyền sở hữu 01 ngôi nhà xây hai tầng, tổng diện tích xây dựng 174m², mái hiên 13,05m², gắn liền với quyền sử dụng đất 180m², tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 07; địa chỉ thửa đất: Khu phố 3, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp GCNQSDĐ số CT 928630 ngày 19/11/2020 mang tên người sử dụng đất: Ông Lê Văn C, bà Trương Thị K.

Ông Lê Văn C có nghĩa vụ giao cho bà Trương Thị K tiền chênh lệch giá trị tài sản được chia là 997.814.500 đồng (*Chín trăm chín mươi bảy triệu tám trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng*).

Ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên đối với thửa đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân Trường Sơn số tiền dư nợ tính đến ngày 18/8/2022 là 308.124.000 đồng, trong đó nợ gốc: 300.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 18/8/2022: 8.124.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 2022/0052/HĐTD ngày 11/02/2022 của Quỹ Tín dụng nhân dân Trường Sơn.

Phần quyền sử dụng đất của anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L thực hiện theo thỏa thuận giữa ông Lê Văn C và Anh L, chị L trong phần tài sản ông C được chia.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, xử lý tài sản thế chấp, án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của đương sự.

Nội dung kháng cáo của các đương sự:

- Ngày 29/8/2022, nguyên đơn bà Trương Thị K có đơn kháng cáo và ngày 05/9/2022, bà K có đơn kháng cáo bổ sung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Tài sản là nhà và đất: Chia đôi.

+ Về khoản nợ chung: Ông C và bà K, mỗi người trả một nửa khoản nợ.

+ Về án phí: Đề nghị xác định lại án phí phân chia tài sản.

+ Triệu tập ông Hồ Công T, ông Hồ Sỹ C, bà Hồ Thị B tham gia tố tụng.

- Ngày 26/8/2022, bị đơn ông Lê Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Giao toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất ở 180m² theo GCNQSDĐ số CT 928630 ngày 19/11/2020 cho ông Lê Văn C và vợ chồng anh Lê Văn L, chị Nguyễn Thị Diệu L sử dụng, trong đó: Ông C sử dụng 100m², Anh L và chị L sử dụng 80m².

+ Giao cho ông Lê Văn C quyền sở hữu 01 ngôi nhà hai tầng trên đất.

+ Ông Lê Văn C có nghĩa vụ giao cho bà Trương Thị K số tiền theo công sức mà bà K đã đóng góp và được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng là 300.000.000 đồng.

- Ngày 26/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn C và bà Trương Thị K là quyền sử dụng 100m² đất ở (phần đất có ngôi nhà của ông C, bà K), còn 80m² đất ở mà trên đất có ngôi nhà 01 tầng thuộc quyền sở hữu của anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, huỷ một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản khi ly hôn và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- *Về án phí:* Các đương sự không phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với ông Lê Văn C và chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[1.2]. Về tính hợp pháp của kháng cáo: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 18/8/2022 thì ngày 26/8/2022 bị đơn ông Lê Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L kháng cáo; ngày 29/8/2022 nguyên đơn bà Trương Thị K kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý để giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với vụ án.

[2]. Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị K, bị đơn ông Lê Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại việc phân chia tài sản, nợ chung khi giải quyết yêu cầu ly hôn (tài sản đã được định giá) bao gồm: 180m² đất ở, trị giá 2.859.300.000đ; trên diện tích đất ở có 01 ngôi nhà 02 tầng của vợ chồng ông C, bà K, trị giá 590.173.000đ; 01 ngôi nhà của vợ chồng Anh L, chị L;

Tài sản là động sản của vợ chồng ông C, bà K gồm: 01 tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA, trị giá 5.000.000 đồng; 01 ti vi nhãn hiệu LG, trị giá 9.000.000 đồng; 01 giá bằng gỗ để ti vi có kích thước 2,5 x 1,8(m), trị giá 4.000.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo, trị giá 6.000.000 đồng.

Nợ chung của vợ chồng ông C, bà K: Nợ Quỹ Tín dụng nhân dân Trường Sơn số tiền dư nợ tính đến ngày 18/8/2022 là 308.124.000 đồng, trong đó nợ gốc: 300.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 18/8/2022: 8.124.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 2022/0052/HĐTD ngày 11/02/2022 của Quỹ Tín dụng nhân dân Trường Sơn.

[2.1]. Xét kháng cáo về tài sản chung là quyền sử dụng đất ở và tài sản có trên đất, thấy rằng:

[2.1.1]. Về quyền sử dụng đất ở: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa cho thấy: Ông C và vợ cũ là bà Lương Thị Diệu M được UBND thị xã Đông Hà cấp GCNQSDĐ số AE 357077 ngày 19/4/2007, diện tích 103m² đất ở, thửa đất 54, tờ bản đồ 39; tại Khu phố 1, phường Đông Giang (do bố mẹ ông C là ông Lê Kính và bà Nguyễn Thị Đoạt tặng cho). Sau khi ông C và bà Mỹ ly hôn, ngày 08/7/2015, hai người lập văn bản thỏa thuận: Bà Mỹ giao cho ông C toàn bộ phần quyền sử dụng đất tại thửa đất trên. Trên cơ sở đó, UBND thành phố Đông Hà cấp GCNQSDĐ số BV 398827 cho ông Lê Văn C.

Ngày 22/5/2018, UBND thành phố Đông Hà thu hồi đất của ông Lê Văn C theo thực tế sử dụng là 149m² đất để xây dựng đường Hoàng Diệu, được bồi thường số tiền 1.097.696.000 đồng và được giao 01 lô đất tái định cư (có thu tiền sử dụng đất): Thửa đất số 107 (lô 04), tờ bản đồ số 17, diện tích 120m², địa chỉ: Khu tái định cư Bắc Sông Hiếu, phường Đông Thanh, được cấp giấy CNQSDĐ số CQ 205257 ngày 09/12/2019 mang tên người sử dụng đất: ông Lê Văn C.

Cùng thời điểm đó, ông Hồ Công T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 180m² đất ở của bà Hồ Thị B rồi chuyển nhượng cho ông Hồ Sỹ C nên ông T và ông C thỏa thuận bằng miệng đổi đất với nhau. Ông T là người làm thủ tục chuyển đổi để cấp lại giấy CNQSDĐ của 02 thửa, cụ thể:

+ Hợp đồng ngày 10/7/2020, bên chuyển nhượng là ông Lê Văn C, bà Trương Thị K với bên nhận chuyển nhượng là ông Hồ Sỹ C, diện tích chuyển nhượng 120m² đất ở, thửa đất số 107 (lô 04), tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Khu Tái định cư Bắc Sông Hiếu.

+ Hợp đồng ngày 24/7/2020, bên chuyển nhượng là bà Hồ Thị B với bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Văn C, bà Trương Thị K, diện tích chuyển nhượng 180m² đất ở, thửa đất số 280 (lô 175), tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khu tái định cư Bắc Sông Hiếu, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp giấy CNQSDĐ số CT 928630 ngày 19/11/2020 cho ông Lê Văn C, bà Trương Thị K.

Trước đó, sau khi thỏa thuận miệng về việc đổi đất với ông T vào tháng 5/2018, ông C đã cho vợ chồng con trai là Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L 4m ngang (diện tích 4x20m= 80m²) nhưng chưa tách thửa, còn lại của ông C 5m ngang (diện tích 5x20m=100m²). Ông C và vợ chồng con trai cùng làm nhà và hoàn thiện vào cuối năm 2018.

Như vậy, quyền sử dụng diện tích 180m² đất theo giấy CNQSDĐ số CT 928630 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Lê Văn C và bà Trương Thị K được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Ông Lê Văn C cho rằng đây là tài sản riêng của ông C, có nguồn gốc của ba mẹ tặng cho, sau đó Nhà nước thu hồi bồi thường, giao đất tái định cư và đổi đất với ông T mà có. Tuy nhiên, quá trình làm thủ tục đổi đất với ông Hồ Công T, ông C đã để bà Trương Thị K cùng đứng tên trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy CNQSDĐ, chứng tỏ ông C đã tự nguyện đưa tài sản riêng của mình thành tài sản chung của vợ chồng nên đây là tài sản chung của ông C và bà K theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình

Năm 2018, ông C tự nguyện tặng cho con là anh Lê Văn L, chị Nguyễn Thị Diệu L diện tích 80m² đất, là một phần thửa đất nói trên. Bà K biết việc ông C tặng cho con đất và việc Anh L, chị L xây dựng nhà trên diện tích 80m² đó nhưng không có ý kiến phản đối, chứng tỏ bà K cũng đồng ý tặng cho Anh L, chị L quyền sử dụng diện tích đất này. Năm 2018, anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L đã xây dựng nhà ở kiên cố trên diện tích 80m² đất được tặng cho và sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định từ năm 2018 đến nay.

Tại Đơn đề nghị của bà Trương Thị K ngày 18/4/2022, bà K một lần nữa khẳng định “phần diện tích 80m² đất thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Diệu L”, còn giá trị tài sản trên đất mà ông Lượng, bà Linh xây dựng là 01 ngôi nhà thì bà K không liên quan; điều này chứng tỏ bà K đã công nhận ngôi nhà 01 tầng gắn liền diện tích đất 80m² mà vợ chồng Anh L đang sử dụng là thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Anh L, chị L.

Như vậy, tuy việc tặng cho quyền sử dụng diện tích 80m² đất thuộc thửa đất số 270, tờ bản đồ số 7 tại phường Đông Thanh không lập thành văn bản, chưa tuân thủ quy định về hình thức, nhưng giao dịch này đã hoàn thành, do đó cần công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất trên thực tế giữa bên tặng cho là ông Lê Văn C, bà Trương Thị K với bên được tặng cho là anh Lê Văn L, chị Nguyễn Thị Diệu L, phần quyền sử dụng đất là tài sản chung của ông C, bà K chỉ còn lại để xem xét phân chia khi ly hôn là 100m².

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa phân tích, đánh giá để công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng diện tích 80m² đất nói trên cho Anh L, chị L mà lại xác định và phân chia tài sản chung của vợ chồng ông C, bà K bao gồm toàn bộ diện tích 180m² là không đúng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Văn L, chị Nguyễn Thị Diệu L cũng như giá trị phần tài sản mà ông Lê Văn C được nhận khi phân chia tài sản chung của vợ chồng.

[2.1.2]. Về tài sản có trên đất: Trên diện tích 180m² đất ông C, bà K được cấp giấy CNQSDĐ số CT 928630 ngày 19/11/2020 có 01 ngôi nhà xây 02 tầng của vợ chồng ông C, bà K, trị giá 590.173.000đ và 01 ngôi nhà 01 tầng là tài sản của Anh L, chị L xây dựng và sử dụng từ năm 2018 đến nay. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa định giá xác định giá trị ngôi nhà cũng như chưa làm rõ ngôi nhà của Anh L, chị L có được xây dựng hợp pháp trên đất của ông C, bà K đã được cấp giấy chứng nhận hay không, bởi vì Anh L, chị L làm nhà năm 2018 nhưng đến năm 2020 ông C, bà K mới lập hợp đồng nhận chuyển nhượng và được cấp giấy CNQSDĐ bao gồm cả diện tích đất vợ chồng Anh L, chị L đã làm nhà từ năm 2018. Trong trường hợp nếu có căn cứ Anh L, chị L làm nhà trên đất không được sự đồng ý của ông C, bà K nhưng ngôi nhà có giá trị sử dụng lớn thì phải giao ngôi nhà này cho ông C, bà K sở hữu, đồng thời buộc ông C, bà K có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản về ngôi nhà cho Anh L, chị L. Trường hợp Anh L, chị L làm nhà ở hợp pháp trên diện tích đất được tặng cho thì phải tách riêng tài sản là nhà, đất của Anh L, chị L không liên quan đến tài sản chung của ông C, bà K để trên cơ sở đó mới xem xét phân chia phần tài sản chung còn lại của vợ chồng.

[2.1.3]. Về các tài sản khác: Ông C và bà K thừa nhận, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có mua sắm các tài sản gồm 01 tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA trị giá 5.000.000 đồng; 01 ti vi nhãn hiệu LG trị giá 9.000.000 đồng; 01 giá bằng gỗ để ti vi trị giá 4.000.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo trị giá 6.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là tài sản chung của vợ chồng và giao cho ông C sở hữu 01 tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA, trị giá 5.000.000 đồng, 01 tủ đựng quần áo trị giá 6.000.000 đồng, tổng giá trị 11.000.000đ; giao cho bà K sở hữu 01 ti vi nhãn hiệu LG trị giá 9.000.000 đồng; 01 giá bằng gỗ để ti vi trị giá 4.000.000 đồng; bà K có trách nhiệm trả cho ông C tiền chênh lệch là 1.000.000đ là đúng. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án lại không giao cho ai được quyền sở hữu về tài sản này là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản của các đương sự.

[2.2]. Về nghĩa vụ trả nợ: Ngày 11/02/2022, ông Lê Văn C, bà Trương Thị K và Quỹ tín dụng nhân dân Trường Sơn ký kết Hợp đồng tín dụng số

2022/0052/HĐTD, theo đó bà K và ông C vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: tiêu dùng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C và bà K thống nhất đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Trường Sơn, quỹ tín dụng và các bên không thoả thuận về chuyển đổi nghĩa vụ trả nợ. Phần nhận định của bản án xác định ông C và bà K mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng, nhưng lại nhận định buộc bà K có trách nhiệm chuyển số tiền trả nợ này lại cho ông C để ông C trả cho Quỹ tín dụng và phần quyết định của bản án buộc ông C có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc, lãi cho Quỹ tín dụng Trường Sơn là không đúng quy định, không đúng nguyên tắc giải quyết nợ chung của vợ chồng.

[2.3]. Việc giao tài sản khi ly hôn:

Quyết định của bản án sơ thẩm giao cho ông C được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà hai tầng gắn liền với quyền sử dụng 180m² đất nhưng không xác định tổng giá trị nhà, đất ông C được giao sở hữu, sử dụng để làm căn cứ buộc ông C có trách nhiệm giao cho bà K số tiền chênh lệch nhận tài sản 997.814.500 đồng là thiếu sót.

[3]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Những vi phạm của Toà án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà Toà án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, huỷ một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản khi ly hôn, giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Đông Hà giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị huỷ phần phân chia tài sản chung để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn và chi phí tố tụng khác được xác định khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Huỷ một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị về phần chia tài sản khi ly hôn; chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Đông Hà giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Bà Trương Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà K số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền

số CC/2021/0000439 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Ông Lê Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000441 ngày 07/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Diệu L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000440 ngày 07/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn và chi phí tố tụng khác được xác định khi giải quyết lại vụ án.

3. Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 13/12/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND TP Đông Hà;
- CCTHADS TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSPA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Trung